

Bản án số: 22/2019/HNGĐ-ST
Ngày 13-6-2019
V/v tranh chấp về ly hôn, về nuôi
con

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN BẾN CẦU – TỈNH TÂY NINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trang Thái Châu.

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Lê Hoàng Quy;

Ông Nguyễn Văn Téo.

- Thư ký phiên tòa: Ông Lê Tiến Danh – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Bến Cầu, tỉnh Tây Ninh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Bến Cầu, tỉnh Tây Ninh tham gia phiên tòa: Ông Hoàng Đình Lương - Kiểm sát viên.

Ngày 13 tháng 6 năm 2019 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Bến Cầu, tỉnh Tây Ninh xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 119/2019/TLST-HNGĐ ngày 12 tháng 4 năm 2019 về việc “Tranh chấp về ly hôn, về nuôi con” theo Quyết Đ đưa vụ án ra xét xử số: 20/2019/QĐXXST-HNGĐ ngày 20 tháng 5 năm 2019 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* chị Võ Thị Ngọc N, sinh năm 1991.

Địa chỉ: ấp A, xã B, huyện Bến Cầu, tỉnh Tây Ninh.

Tạm trú: ấp X, xã Y, huyện Tân Biên, tỉnh Tây Ninh. Có mặt

2. *Bị đơn:* anh Nguyễn Văn Đ, sinh năm 1987.

Địa chỉ: ấp A, xã B, huyện Bến Cầu, tỉnh Tây Ninh. Vắng mặt

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện ngày 20-5-2019 và trong quá trình tham gia tố tụng, nguyên đơn chị Võ Thị Ngọc N trình bày: Chị và anh Nguyễn Văn Đ tự nguyện chung sống vào năm 2011, có đăng ký kết hôn và được UBND xã B, huyện Bến Cầu, tỉnh Tây Ninh cấp giấy chứng nhận kết hôn vào năm 2012. Vợ chồng chung sống hạnh phúc đến năm 2018 thì bắt đầu phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do anh Đ thường hay đem tài sản gia đình cầm cố lấy tiền đánh bạc, mặc dù chị đã khuyên can nhiều lần nhưng anh Đ vẫn không thay đổi, từ đó dẫn đến

cuộc sống vợ chồng không hạnh phúc nên ly thân từ tháng 08-2018 cho đến nay. Xét thấy tình cảm vợ chồng không còn, không thể hòa giải, hàn gắn nên chị yêu cầu ly hôn với anh Nguyễn Văn Đ.

- Về con chung: Chị và anh Đ có hai con chung tên Nguyễn Hoàng Gia B, sinh ngày 15-11-2012 và Nguyễn Hoàng Gia H, sinh ngày 20-11-2014, hiện cả hai sống chung với chị. Khi ly hôn, chị yêu cầu được nuôi dưỡng cháu B và cháu H, không yêu cầu anh Đ cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung: Chị và anh Đ không có nên không yêu cầu giải quyết.

- Về nợ chung: Chị cam kết chị và anh Đ không có nợ ai.

Bị đơn anh Nguyễn Văn Đ đã khai: Về quan hệ hôn nhân anh thống nhất như lời trình bày của chị N. Tuy nhiên, về nguyên nhân mâu thuẫn là do anh đi chơi về khuya nên vợ chồng thường hay gây gổ; ngoài ra, trong thời gian chung sống giữa vợ chồng còn có những bất đồng về quan điểm sống dẫn đến cuộc sống vợ chồng không còn hạnh phúc và ly thân từ tháng 8-2018 cho đến nay. Xét thấy tình cảm vợ chồng không còn, không thể hòa giải, hàn gắn nên anh chấp nhận ly hôn đối với chị Võ Thị Ngọc N.

- Về con chung: Anh và chị N có hai con chung tên Nguyễn Hoàng Gia B, sinh ngày 15-11-2012 và Nguyễn Hoàng Gia H, sinh ngày 20-11-2014, hiện cả hai đang sống chung với chị N. Anh và chị N có thỏa thuận giao hai con chung cho chị N nuôi dưỡng và tự thỏa thuận mức cấp dưỡng nuôi con, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về tài sản chung: Anh và chị N không có, không yêu cầu giải quyết.

- Về nợ chung: Anh cam kết vợ chồng không có nợ ai.

Ý kiến của Kiểm sát viên tham gia phiên tòa:

Về tố tụng: Việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký, nguyên đơn và bị đơn là đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Bị đơn vắng mặt và có đơn đề nghị xét xử vắng mặt. Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 228 xét xử vắng mặt bị đơn là đúng theo qui định pháp luật. Kể từ khi thụ lý vụ án đến trước thời điểm Hội đồng xét xử vào phòng nghị án, Kiểm sát viên không phát hiện vi phạm tố tụng.

Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng Điều 56, 58, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và Gia đình; khoản 4 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự; Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu của chị Võ Thị Ngọc N đối với anh Nguyễn Văn Đ. Về án phí: Buộc chị Võ Thị Ngọc N phải chịu án phí theo qui định của pháp luật, anh Nguyễn Văn Đ không phải chịu án phí.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án do các bên cung cấp và qua kết quả thẩm tra các chứng cứ tại phiên tòa, xét thấy:

[1]. Về tố tụng: Chị Võ Thị Ngọc N có đơn khởi kiện yêu cầu Tòa án nhân dân huyện Bến Cầu giải quyết hôn nhân giữa chị N và anh Nguyễn Văn Đ, anh Đ có nơi cư trú tại huyện Bến Cầu, tỉnh Tây Ninh nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Bến Cầu theo qui định tại Điều 28 và Điều 35 Bộ luật Tố tụng dân sự. Trong quá trình giải quyết, anh Đ có đơn đề nghị xét xử vắng mặt, do đó áp dụng Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự xét xử vắng mặt anh Đ là đúng qui định pháp luật.

[2]. Về hôn nhân: Chị N và anh Đ sống chung vào năm 2011, đến năm 2012 đăng ký kết hôn và được cấp giấy chứng nhận kết hôn là hôn nhân hợp pháp. Quá trình chung sống, chị N và anh Đ đều thừa nhận, vợ chồng có nhiều mâu thuẫn, thường xuyên cãi vã từ đó dẫn đến cuộc sống vợ chồng không còn hạnh phúc. Trong quá trình giải quyết, Tòa án tiến hành hòa giải để tạo điều kiện cho chị N và anh Đ hàn gắn, đoàn tụ nhưng anh Đ có đơn đề nghị hoà giải và xét xử vắng mặt, chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị N. Xét thấy, hôn nhân giữa chị N và anh Đ đã lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được. Do đó, yêu cầu ly hôn của chị N đối với anh Đ là có cơ sở chấp nhận theo qui Đ tại Điều 56 Luật hôn nhân và Gia đình.

[3]. Về con chung: Chị N và anh Đ thống hai con chung tên Nguyễn Hoàng Gia B, sinh ngày 15-11-2012 và Nguyễn Hoàng Gia H, sinh ngày 20-11-2014. Chị N và anh Đ thỏa thuận giao cháu B, cháu H cho chị N tiếp tục nuôi dưỡng và tự thỏa thuận việc cấp dưỡng nuôi con. Xét thấy, từ ngày ly thân chị N chăm sóc con tốt, đảm B các điều kiện cho các con. Do đó, việc thỏa thuận nuôi con của chị N và anh Đ phù hợp với qui Đ tại Điều 81 Luật Hôn nhân và Gia đình và Điều 5 Bộ luật Tố tụng dân sự nên ghi nhận.

[4]. Về tài sản chung, nợ chung: Chị N và anh Đ không yêu cầu nên không đặt ra giải quyết.

[5]. Về án phí: Chị N phải chịu án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm, anh Đ không phải chịu án phí theo qui định tại Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 56, 58, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và Gia đình; Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án.

1. Về hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị Võ Thị Ngọc N đối với anh Nguyễn Văn Đ. Chị N được ly hôn với anh Đ.

2. Về con chung: Giao con chung tên Nguyễn Hoàng Gia B, sinh ngày 15-11-2012 và Nguyễn Hoàng Gia H, sinh ngày 20-11-2014 cho chị N tiếp tục trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục. Ghi nhận chị N không yêu cầu anh

Đ cấp dưỡng nuôi con chung. Không ai được cản trở anh Đ trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung.

3. Về tài sản chung và nợ chung: Chị N và anh Đ không yêu cầu nên không đặt ra giải quyết.

4. Về án phí: Chị Võ Thị Ngọc N phải chịu 300.000 đồng án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm, cho khấu trừ số tiền tạm ứng án phí chị N đã nộp 300.000 đồng theo biên lai số: **0021933** ngày 12-4-2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Bến Cầu, tỉnh Tây Ninh. Anh Nguyễn Văn Đ không phải chịu án phí.

5. Về quyền kháng cáo bản án: Chị Võ Thị Ngọc N có quyền kháng cáo theo trình tự thủ tục phúc thẩm lên Tòa án nhân dân tỉnh Tây Ninh trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án. Anh Nguyễn Văn Đ có quyền kháng cáo theo trình tự thủ tục phúc thẩm lên Tòa án nhân dân tỉnh Tây Ninh trong thời hạn 15 ngày, tính từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết hợp pháp.

Trường hợp bản án, quyết Đ được thi hành theo quy Đ tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy Đ tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy Đ tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Tây Ninh;
- VKSND huyện Bến Cầu;
- C.c THADS huyện Bến Cầu;
- UBND xã B (lưu);
- Các đương sự;
- Lưu.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ**

(đã ký)

Trang Thái Châu